TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-HNGĐ	*Điện Biên Đông, ngày 02 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 03/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị S, sinh năm: 1989. Trú tại bản H, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chỗ ở hiện nay bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Vàng A S, sinh năm: 1984. Trú tại bản H, xã H, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 10 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Sùng Thị S, sinh năm: 1989.
- Bị đơn: Anh Vàng A S, sinh năm: 1984.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Sùng Thị S và anh Vàng A S thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

+ Anh Vàng A S được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Vàng Thị P, sinh ngày 25/02/2013 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Sùng Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Đối với cháu Vàng A L, sinh ngày 10/7/2005 đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi dưỡng.

Bên không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi

người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. 4. Về án phí: Các đương sự đều là người dân tộc thiểu số thường trú tại xã H, huyện Đ là xã đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị S và anh S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Phòng KTNV-THA TA tỉnh Điện Biên;
- UBND xã H.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Nga